

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG SINH VIÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY NGÀNH TÂM LÝ – GIÁO DỤC

QUANG DƯƠNG*

TÓM TẮT

Làm sao để sau khi tốt nghiệp, họ (là Cử nhân, Thạc sĩ, hay Tiến sĩ) xứng đáng với chính danh và đích thực là những nhà chuyên môn trong lĩnh vực Tâm lý và Giáo dục? Bởi thế, từ yêu cầu khách quan, cần minh định những tiêu chí căn bản cho một chính phẩm được đào tạo với chất lượng cao.

Vấn đề của mọi vấn đề về chất lượng đào tạo là tư duy khoa học. Cốt lõi của tư duy khoa học là logic biện chứng, là lí luận phản chứng, là tính phản biện có cơ sở thực tiễn. Thiết nghĩ, trong bản lĩnh khoa học của một sinh viên tốt nghiệp ngành Tâm lý Giáo dục phải có những hạt nhân cơ bản đó.

Từ khóa: kiểm định chất lượng, ngành Tâm lý Giáo dục.

ABSTRACT

Examining the quality of mainstream students majoring in psychology

What must be done so that bachelors, masters or even doctors live up to their title and are true professionals in psychology and education? From objective requirements comes the need for basic criteria for high quality graduates.

The core of all issues related to training quality is scientific thinking. The cores of scientific thinking are dialectic logic, counter-evidence reasoning and realistic refutation. These cores form the nucleus of a graduate's competence.

Keywords: quality examination, psychology.

1. Đặt vấn đề

Nhằm hướng tới một sách lược đào tạo tân tiến, chất lượng cao, phù hợp với những đỉnh cao về nhân văn và những minh triết trong đào tạo, nhất là đào tạo những chuyên gia tương lai về tâm lý giáo dục (TLGD), vấn đề tổng quát bài viết đặt ra là, nên nghĩ và làm như thế nào để có được những **chính phẩm đào tạo** là những chuyên gia khoa học? Nói cách khác, làm sao để sau khi tốt nghiệp, họ

(là Cử nhân hay Thạc sĩ, Tiến sĩ) xứng đáng với chính danh và đích thực là những nhà chuyên môn trong lĩnh vực Tâm lý và Giáo dục?

Vậy, những tiêu chí nào nên được coi là chuẩn mực, để hướng tới một chính phẩm như thế? Xuất phát từ những yêu cầu khách quan của khoa học giáo dục và phát triển xã hội, có thể vạch ra những tiêu chí cơ bản cho một chính phẩm, để căn cứ vào đó mà kiểm định chất lượng đào tạo một sinh viên (hay nghiên cứu sinh) về TLGD.

* Nguyên GVC Trường Đại học Sư phạm TP HCM

2. Tiêu chí chất lượng cho một chính phẩm

Khi bước vào guồng máy đào tạo, sinh viên Khoa TLGD phải được coi là một **chủ thể thực sự** (chứ không chỉ là khách thể đào tạo). Chủ thể đó, sau quá trình đào tạo, phải có ba đặc điểm cơ bản sau đây (được coi là đạt 3 tiêu chí về chất lượng của một chính phẩm):

(i) **Nhận thức linh hoạt, đa chiều:** Luôn luôn có chủ kiến, có bản lĩnh và sắc thái riêng trong cách nhìn, cách hiểu và cách làm. Đồng thời có luận cứ và chứng cứ vững chắc để bảo vệ quan điểm khi nêu chủ kiến. Càng không nói dựa, nói theo hay sao chép mù quáng những quan điểm từ người khác. Nghĩa là, càng tránh xa những khuyết tật về giáo điều, kinh điển, kinh viện và từ chương càng tốt.

(ii) **Hành động ứng biến, sáng tạo:** Không rập khuôn khi bắt tay vào việc, không xơ cứng khi vận dụng và thực hành, không quá câu nệ vào lý thuyết, biết ứng phó hữu hiệu trước mọi đổi thay của thực tiễn. Càng biết độc lập suy nghĩ, càng sáng tạo trong nhận thức và hành động, chủ thể đó càng được đánh giá cao trong thực tiễn ứng dụng và triển khai, trong khoa học kỹ thuật và đời sống.

(iii) **Phản biện tinh nhạy, minh triết:** Có óc phê phán và biện giải, nhưng không phải là ngụy biện hoặc phản biện vô cớ hay vô bổ, mà là lật ngược mọi vấn đề (vốn được coi như “chân lý tuyệt đối”) phơi ra trước ánh sáng huyền diệu của thực tiễn, để thấy được những góc khuất vô minh trong những chân lý đó; từ đây, tìm những cách lý giải khác, cách thực

hiện khác thông minh hơn, triết lý hơn, nhân bản hơn...

3. Đối sách tích cực trong cơ chế đào tạo

Nhằm đạt được những tiêu chí trên đây, xét về mặt chiến lược, đơn vị đào tạo phải có một đối sách như thế nào trong cơ chế đào tạo?

Cơ chế đào tạo tổng quát (chung cho mọi ngành): *Biến sinh viên từ một KHÁCH THỂ ĐÀO TẠO thành một CHỦ THỂ SÁNG TẠO trong các lĩnh vực nghiên cứu đề tài, ứng dụng triển khai và giảng dạy khoa học.*

Để thực hiện cơ chế đào tạo nói trên, đặc biệt, đào tạo ở ngành TLGD, cần vận dụng hai chức năng song hành sau đây làm đối sách:

(i) Biến sinh viên TLGD từ khách thể nhận thức thành chủ thể nhận thức, và hơn thế, thành một chủ thể **tự nhận thức, tự đào tạo, tự đổi mới mình**, để trở thành chính mình – một **chủ nhân sáng tạo**. Làm được như thế là thực sự giúp sinh viên tự giải phóng về mặt tư tưởng, để không còn bị nô lệ về nhận thức, để họ tự “siêu thoát” trong quá trình đào tạo. Cuối cùng, để họ không còn là những bóng mờ (hay phó bản) của ai khác, dù “ai khác” đó là một thần tượng khoa học.

Không thể chấp nhận một luận văn tốt nghiệp của sinh viên TLGD mà đa phần trong đó là *những nội dung được sao chép* từ lời sách, lời thầy, lời trích dẫn từ danh nhân, từ nghị quyết...

(ii) Hạn chế tối đa (tiến tới triệt tiêu) những cung cách giáo dục khiến sản phẩm đào tạo bị kém chất lượng. Tai hại nhất là duy trì lối đào tạo khép kín,

không thông thoáng, không cởi mở nhận thức. Bởi vậy, cần hết sức tránh việc áp đặt sinh viên phải thuộc lòng (thậm chí phải chấp nhận) những học thuyết già cỗi, những nguyên lí cứng nhắc, những cách thức lỗi thời trong nghiên cứu học thuật. Mặt khác, cần tạo môi trường trao đổi học thuật thực sự cởi mở để khuyến khích sinh viên được độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng, nói lên chủ kiến khoa học của mình.

Không thể chấp nhận lối đào tạo làm tê liệt óc phê phán và tính phản biện của sinh viên, khiến họ chỉ biết nghe theo, hiểu theo, nói theo và làm theo những áp đặt nhận thức một chiều mà có khi còn phi lí.

4. Kiểm định một sản phẩm kém chất lượng

Nếu có dịp đối chứng giữa thứ phẩm và chính phẩm, ta mới thấy rõ hơn những nét tinh anh của chính phẩm và những gì thô thiển của thứ phẩm. Vậy, hiểu cụ thể như thế nào là sản phẩm kém chất lượng (thậm chí là phế phẩm - không hữu ích) trong lĩnh vực TLGD? Đó là, cái “lò đào tạo” ấy đã sản sinh một lớp người mang 8 sắc thái điển hình và dị tướng sau đây:

- Chỉ biết diễn đạt, nhưng **kém phần suy nghĩ**;
- Nếu có suy nghĩ, chỉ biết **tư duy một chiều**;
- Nghĩ một chiều, nhưng **theo chiều “sách vở”**;
- Theo chiều sách vở, mà **chỉ biết rập khuôn**;
- Biết rập khuôn, nhưng **không biết phản biện**;

- Nếu biết phản biện, chỉ “**phản biện theo ý của... thầy**”;

- “Phản biện” theo ý thầy, mà ý thầy chẳng khác gì **ý trong giáo trình**;

- Ý của giáo trình lại được coi là “**pháp lệnh**”, **phải độc tôn!**

[Điều càng trở trêu là, nếu ai vì phạm sự độc tôn đó (dù có lí chứng và thực chứng thuyết phục chẳng nữa), vẫn có thể không được nhà trường coi là sinh viên giỏi, có chất lượng. Thậm chí còn bị phê là ngang bướng, dám “nói ngược”, dám “phạm húy”, dám “vô lễ”].

Cứ như vậy, kéo dài 4 - 5 năm ngồi trên giảng đường, sinh viên không bao giờ dám có lí lẽ “cãi lại”, nên mắt luôn chủ kiến, không dám có sáng kiến và sáng tạo, càng không dám phê phán bất kì một quan điểm hay hành động nghịch lí nào thấy cần phản biện và phản chứng.

5. Tạo dựng môi trường và không khí học thuật

Trước ba áp lực: sợ “bị phê”, sợ “mất điểm” và do đó sợ “trượt phé”, cách đối phó thông thường của những sinh viên giỏi nhưng nhút nhát, là “cắm khẩu”, coi “im lặng là vàng”. Người nào có nhuệ khí, không muốn im lặng (vì họ nghĩ im lặng là mẹ của thụ động) mà muốn tranh luận khoa học, cũng không có môi trường học thuật để nói, chẳng có không khí học thuật để “thở”, đành “ngậm bồ hòn”. Cuối cùng, kiểu “đào tạo” ấy chỉ đưa tới hậu quả (thay vì kết quả) của một quá trình “nhào nặn” cơ học: biến sinh viên thành một cỗ máy vô cảm, một robot bằng xương thịt, một thứ nô lệ của thầy và sách...

“Sản phẩm” được đào tạo theo cung cách như thế hoàn toàn xa lạ với những thứ chính phẩm. Đây là một dạng phế phẩm tệ hại nhất trong giáo dục, vì chẳng những đã không góp ích được cho đời, nhiều khi còn trở thành vật cản của đời - một gánh nặng cho sự phát triển, vì tính bảo thủ, trì trệ và mê muội của chính “sản phẩm biết nói” đó.

Ai cũng biết, sự trưởng thành và xuất trội của chàng sinh viên Ngô Bảo Châu trước đây (bây giờ là một Giáo sư nổi danh trên thế giới) có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân căn bản đó là ông **thường xuyên được “tắm và thở” trong môi trường và không khí học thuật**. Các nhà khoa học lừng danh khác cũng nghiên cứu và dạy học trong những điều kiện và hoàn cảnh tương tự. Chính nhờ được sống và học tập với nguồn tiếp liệu như thế mà tài năng của họ càng được nuôi dưỡng, lòng đam mê khoa học càng được thăng hoa...

Vì TLGD là một lĩnh vực khoa học nhân văn, nên rất cần tạo dựng những môi trường học thuật và tăng cường không khí học thuật trong quá trình đào tạo, để lan tỏa những giá trị nhân văn đó đến sinh viên. Nói như vậy để thấy, nếu không tồn tại một môi trường và không khí học thuật trong giảng viên, chắc chắn sẽ không có những điều đó nơi sinh viên. Ngoài việc nghiên cứu, những lúc dạy học, nhà bác học Albert Einstein từng chỉ cho sinh viên thấy: Cái lõi của học thuật là **sự phản biện**, xương cốt của học thuật là **những chứng lí**¹.

6. Căn cứ vào đâu để lựa chọn người hiền tài?

Từ lời chỉ dạy trên đây của Albert Einstein, có thể rút ra một nguyên lí: cái chính trong đào tạo không phải là trang bị kiến thức, mà là, giúp sinh viên tự rèn đúc hai thứ vũ khí lợi hại nhất trong nòng trượng học thuật của họ, đó là **tính phản biện** và **sự minh chứng**. Có hai thứ vũ khí này, sinh viên không những là đối tượng tiếp thu khoa học, còn là **chủ thể phát triển khoa học**². Nền giáo dục tân tiến coi đây là cội nguồn để hình thành các tổ chất hàng đầu của một chuyên gia tương lai về khoa học, hun đúc tiềm năng học thuật và bản lĩnh sáng tạo cho nhà nghiên cứu.

Một nhà tư tưởng vĩ đại đã tuyên ngôn: *“Những lí thuyết kinh điển, nếu bạn dẫm chân lên nó, nó sẽ là bệ phóng tư tưởng cho bạn. Nhưng, nếu bạn đội nó lên đầu, ôi thôi, nó sẽ tạo áp lực nghìn cân, làm tê liệt trí não và mù mịt tim óc của chính bạn”*.

Khi cân nhắc giữa hai động thái đó (“dẫm lên” hay “đội đầu”) trong nghiên cứu học thuật và ứng dụng thực tiễn, người học (và cả người dạy) phải đứng trước thử thách và đo lường của cả hai chỉ số: IQ (Intelligence Quotient) và EQ (Emotional Quotient). Hơn thế, họ còn được trải nghiệm và giám định bởi hai chỉ số khác cao hơn: CQ (Creative Quotient) và AQ (Adversity Quotient). Đó là cả một tiến trình khách quan để khảo sát, lựa chọn và phân biệt rất rõ giữa kẻ vô minh và người minh triết, kẻ bảo thủ và người canh tân, kẻ nô lệ giáo điều và người dũng cảm khai phóng...

Những tố chất như “minh triết”, “canh tân”, “dũng cảm khai phóng”... là

những thuộc tính bản chất, mang đậm **nét tinh anh** và **lòng hướng thiện** của một bậc HIỀN TÀI, khác rất xa một nhân tài chỉ biết có... TÀI).

*Cách đây khoảng trăm năm, những nhà Duy Tân đầu thế kỉ XX cũng từng đứng trước sự cân nhắc như chúng ta bây giờ – từ bỏ cái gì và lựa chọn cái gì cho việc canh tân và khai phóng? Hỏi đó, trong việc dạy người, các cụ có một triết lí đào tạo rất giản đơn mà đúng chuẩn: Loại bỏ mọi hình thức phù hoa, chỉ chọn **thực học và thực nghiệp, thực danh và thực chất**. Tất cả những gì liên quan đến sự nghiệp trồng người đều xoay quanh cái cốt lõi là **SỰ THỰC** chân chính. Nhờ thế mà tránh cho người học không bị mê hoặc bởi cái vỏ hào nhoáng, hư danh; bởi những lời bốc đồng, hư ảo, để họ không bị lạc đường, hư hỏng... lại rất hữu ích cho Đời. Chất lượng đào tạo thực sự không ở đâu xa, nó nằm ngay chỗ vừa nói.*

Ngày xưa đã thế, nay ta phải hơn thế chứ! Cả về thực trạng đào tạo lẫn triết lí giáo dục, lẽ nào chịu để tụt hậu sau hơn một thế kỉ?

7. Kết luận

Nên chăng, cần dừng cảm nhìn thẳng vào sự thật để minh định rằng ngày nay, cách đào tạo của chúng ta đang lún sâu vào khủng hoảng kéo dài.

Phần lớn các sản phẩm giáo dục của nhà trường lâu nay đều có những lỗ hổng khá trầm trọng. Nếu lỗ hổng ấy lại nằm trong sản phẩm đào tạo là sinh viên ngành TLGD thì mức độ trầm trọng và tác hại nguy hiểm của nó càng tăng theo cấp số nhân. Đó là điều cần hết sức lưu ý trong việc kiểm định chất lượng đào tạo.

May thay, chúng ta đang ở trong thời đại của thông tin bùng nổ, của kĩ thuật bạch hóa những giá trị ảo, nên tuy trước mắt còn tồn tại quá nhiều giá trị ảo trong đào tạo, nhưng tương lai chúng sẽ bị đẩy lùi, tiến tới bị triệt tiêu trước xu thế hội nhập toàn cầu của nền kinh tế tri thức trong một thế giới phẳng.

¹ Điều dễ thấy nhất trong học thuật là, nhờ phản biện và minh chứng mà ta có hình học Lobachevsky và hình học Riemann, vượt trội hơn hẳn hình học Euclid, còn gọi đó là hình học phi Euclid. Cũng nhờ vậy mà ta có vật lí Einstein siêu việt hơn, chính xác hơn vật lí Newton (Einstein đã dùng hình học phi Euclid để phản chứng và biện minh cho Thuyết Tương Đối của mình). Nói cách khác, nhờ đào tạo trong môi trường và không khí học thuật mà người sau vượt xa người đi trước, và cao hơn thế, còn “đứng trên vai người khổng lồ” trong khoa học.

² Theo Wikipedia, sự nghiệp “Phát triển khoa học” được hiểu theo tinh thần khoa học, gồm những động thái sau: **kế thừa, ứng dụng, trải nghiệm, triển khai, phê phán, phản biện, chứng minh, cải tiến, sáng tạo**, cao nhất là **sáng chế và phát minh khoa học**, từ việc chuyên tâm và dấn thân trong hoạt động nhận thức, kết hợp hữu cơ với hoạt động thực tiễn mang tính nghiệp vụ. Khoa học sẽ không bao giờ được phát triển (thậm chí bị tụt hậu và bị cản trở) nếu nó nằm trong tay những người chỉ biết giáo điều, kinh điển, kinh viện, từ chương...

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 30-6-2011; ngày phản biện đánh giá: 07-12-2011; ngày chấp nhận đăng: 29-8-2012)